

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần A.VII. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Dương Văn Lợi	6,00	Sáu
2	Hoàng Ngọc Anh	7,00	Bảy	42	Lương Hà Lý	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	6,50	Sáu phẩy năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	6,50	Sáu phẩy năm
4	Nông Văn Cường	3,50	Ba phẩy năm	44	Mạc Văn Minh	5,25	Năm phẩy hai năm
5	Hoàng Cao Cường	6,75	Sáu phẩy bảy năm	45	Nông Văn Minh	6,00	Sáu
6	Nguyễn Đức Chinh	7,50	Bảy phẩy năm	46	Nông Văn Mộc	6,00	Sáu
7	Nông Văn Dũng	6,00	Sáu	47	Lâu Thị My	5,00	Năm
8	Quan Thị Dung	5,00	Năm	48	Hoa Thị Nga	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Phương Đình Duy	7,00	Bảy	49	Hoàng Thị Ngân	6,25	Sáu phẩy hai năm
10	Lý Văn Dinh	5,75	Năm phẩy bảy năm	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Hà Thị Duyên	8,00	Tám	51	Liên Thị Nguyên	6,00	Sáu
12	Hoàng Thị Duyên	6,50	Sáu phẩy năm	52	Mã Văn Nhâm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
13	Lãnh Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Bế Thị Nhung	6,50	Sáu phẩy năm
14	Lục Văn Đức	6,50	Sáu phẩy năm	54	Sầm Thị Phiên	7,00	Bảy
15	Mông Thị Diệp	6,00	Sáu	55	Hà Văn Phong	6,25	Sáu phẩy hai năm
16	Dương Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	56	Đặng Văn Quân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Dương Văn Định	6,50	Sáu phẩy năm	57	Trần Hùng Quang	7,50	Bảy phẩy năm
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Âu Hoàng Quốc	3,00	Ba
19	Phan Thị Hạnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	59	Nông Thị Sấn	6,00	Sáu
20	Trịnh Thị Hạnh	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Vương Văn Sinh	5,75	Năm phẩy bảy năm
21	Lã Xuân Hải	7,50	Bảy phẩy năm	61	Vi Văn Sơn	5,50	Năm phẩy năm
22	Nông Thị Hậu	7,00	Bảy	62	Phùng Văn Tập	6,25	Sáu phẩy hai năm
23	Ma Xuân Hòa	4,00	Bốn	63	Anh Thị Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
24	Tô Thị Thu Hoài	6,50	Sáu phẩy năm	64	Mạc Văn Thánh	5,00	Năm

lk

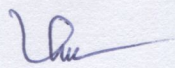
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
25	Ma Thị Hoàn	5,75	Năm phẩy bảy năm	65	Hoàng Văn Thành	5,50	Năm phẩy năm
26	Hà Thị Bích Hồng	3,50	Ba phẩy năm	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	7,00	Bảy
27	Mạc Văn Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	67	Nông Thị Thảo	3,00	Ba
28	Nông Thị Huệ	6,00	Sáu	68	Hoàng Thị Thời	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Mã Thị Huệ	4,50	Bốn phẩy năm	69	Lữ Thị Thu	6,50	Sáu phẩy năm
30	Nguyễn Như Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Mạc Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
31	Hoa Mạnh Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lữ Thu Thủy	6,75	Sáu phẩy bảy năm
32	Nông Thị Hương	6,00	Sáu	72	Hoàng Lệ Thủy	8,00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	73	Lãnh Thị Phương Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Ngô Văn Khánh	7,50	Bảy phẩy năm	74	Triệu Thị Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Phạm Thị Khuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lãnh Thị Trọng	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nông Ngọc Kiên	6,25	Sáu phẩy hai năm	76	Mã Thị Tú	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Lương Thị Ngọc Lan	6,75	Sáu phẩy bảy năm	77	Hoàng Huy Tuyên	6,50	Sáu phẩy năm
38	Hà Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Nông Văn Tuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
39	Nông Thị Lành	6,50	Sáu phẩy năm	79	Phương Ánh Tuyết	5,00	Năm
40	Triệu Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Mạc Thị Vê	6,25	Sáu phẩy hai năm

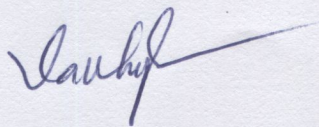
Điểm 3,00: 02 điểm; Điểm 3,50: 2 điểm; Điểm 4,00: 01 điểm; Điểm 4,50: 01 điểm; Điểm 5,00: 04 điểm;
Điểm 5,25: 01 điểm; Điểm 5,50: 02 điểm; Điểm 5,75: 03 điểm; Điểm 6,00: 09 điểm; Điểm 6,25: 06 điểm;
Điểm 6,50: 11 điểm; Điểm 6,75: 07 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 08 điểm;
Điểm 7,75: 05 điểm; Điểm 8,00: 02 điểm; Điểm 8,25: 4 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa